

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ
Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
của Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;**Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;**Căn cứ Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải;**Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;**Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Thanh tra Cục Hàng hải); nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Chánh Thanh tra Cục Hàng hải); công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp trong hoạt động thanh tra chuyên ngành hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Cục Hàng hải Việt Nam, Thanh tra Cục Hàng hải, Cảng vụ Hàng hải và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hàng hải.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA THANH TRA CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Điều 3. Vị trí, chức năng của Thanh tra Cục Hàng hải

1. Thanh tra Cục Hàng hải là cơ quan của Cục Hàng hải Việt Nam, giúp Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Cục trưởng) thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành hàng hải theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về hàng hải mà Việt Nam là thành viên.

Thanh tra Cục Hàng hải chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Cục trưởng và chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Bộ).

Thanh tra Cục Hàng hải có tên giao dịch quốc tế viết bằng tiếng Anh là Vietnam Maritime Inspectorate, viết tắt là VMI.

2. Thanh tra Cục Hàng hải có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được sử dụng con dấu của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định của pháp luật về sử dụng con dấu.

3. Thanh tra Cục Hàng hải được bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện để phục vụ hoạt động thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4. Tổ chức và biên chế của Thanh tra Cục Hàng hải

1. Thanh tra Cục Hàng hải có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và công chức.

Chánh Thanh tra Cục Hàng hải do Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Chánh Thanh tra Bộ). Phó Chánh Thanh tra Cục Hàng hải do Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Cục Hàng hải.

2. Biên chế của Thanh tra Cục Hàng hải thuộc biên chế hành chính của Cục Hàng hải Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục Hàng hải

1. Giúp Cục trưởng xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; hướng dẫn xây dựng, tổng hợp và trình Cục trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra của các Cảng vụ Hàng hải.

2. Thanh tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành hàng hải, quy định về chuyên môn kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành theo quy

định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về hàng hải mà Việt Nam là thành viên, trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo đảm an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong xây dựng cảng biển; quản lý, khai thác cảng biển;

b) An toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu biển Việt Nam và tàu biển nước ngoài khi hoạt động tại vùng nước cảng biển, thủy nội địa và lãnh hải Việt Nam;

c) Quản lý, khai thác luồng hàng hải, hệ thống trợ giúp hàng hải; thông báo hàng hải;

d) Hoạt động thông tin bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải;

đ) Hoạt động kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải;

e) Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tại cảng biển;

g) Hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

h) Đào tạo, huấn luyện, thi, sát hạch, cấp chứng chỉ chuyên môn đối với thuyền viên và hoa tiêu hàng hải;

i) Hoạt động đăng ký tàu biển và bố trí thuyền viên;

k) Hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ hàng hải;

l) Hoạt động trục vớt tài sản chìm đắm ở biển và trong vùng nước cảng biển.

3. Phát hiện, lập biên bản, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính.

5. Kiến nghị hoặc trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý chuyên ngành hàng hải; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật được phát hiện qua hoạt động thanh tra; kiến nghị áp dụng các biện pháp xử lý và khắc phục những vi phạm trong hoạt động hàng hải.

6. Giúp Cục trưởng tổ chức tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng theo quy định.

7. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về: công tác thanh tra; xử phạt vi phạm hành chính; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng.

8. Giúp Chánh Thanh tra Bộ tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính; nghiệp vụ kiểm tra Nhà nước cảng biển (Port State Control)